

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 169/2024/DS-ST  
Ngày 27 tháng 9 năm 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự, vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lư Thị Châu Ngọc.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Bằng và bà Trương Thị Bích Tuyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2024/TLST - DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 346/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2024/QĐST-DS ngày 09/9/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Cao Thanh H, sinh năm 1991; nơi ĐKTT: tổ B, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: 246, T, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1998 và bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1967; nơi ĐKTT: khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Nhà nghỉ K, tổ B, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Ông H có mặt; ông L và bà M đã được triệu tập họp lệ 2 lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Cao Thanh H trình bày:**

Vào ngày 09/02/2023, ông H có cho ông L, bà M vay số tiền 3.500.000.000 đồng, với lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 08 tháng kể từ ngày 09/02/2023. Việc vay tiền có lập hợp đồng và được công chứng tại Phòng C, tỉnh An Giang chứng nhận, vào sổ công chứng số 000811, quyển số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD. Việc giao tiền diễn ra cùng ngày và có làm biên nhận. Tuy nhiên, tính đến thời điểm

hiện tại, đã quá thời hạn vay nhưng ông L, bà M vẫn không thanh toán cả nợ gốc lẫn tiền lãi mặc dù ông H đã liên hệ rất nhiều lần. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông L, bà M thanh toán các khoản sau:

- Nợ gốc: 3.500.000.000 VNĐ (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*).
- Lãi vay trong hạn (từ 09/02/2023 đến 31/10/2023):  $3.500.000.000 \times 1,5\%/tháng \times 8 \text{ tháng} = 420.000.000 \text{ VNĐ}$  (*Bốn trăm hai mươi triệu đồng*)
- Lãi vay quá hạn (tạm tính từ 01/11/2023 đến 15/03/2024):  $3.500.000.000 \times 1,5\%/tháng \times 150\% \times 4,5 \text{ tháng} = 354.375.000 \text{ VNĐ}$  (*Ba trăm năm mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Biên nhận ngày 29/03/2023 (bản photo) và Hợp đồng vay tiền số công chứng 000811, quyển số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/02/2023.

Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn ông L, bà M vắng mặt không tham gia phiên họp.

Tại phiên tòa, ông Cao Thanh H yêu cầu ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Tuyết M trả một lần số tiền 3.500.000.000 đồng vốn theo biên nhận ngày 09/02/2023, không yêu cầu tính lãi.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ và hợp đồng vay tiền có công chứng thấy rằng thỏa thuận vay nợ giữa ông L, bà M với ông H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi, vốn vay nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả vốn vay 3.500.000.000 đồng và lãi suất là có căn cứ chấp nhận.

Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi là thuộc phạm vi khởi kiện và phù hợp quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay 3.500.000.000 (*Ba tỷ năm trăm triệu*) đồng; Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông H đối với ông L, bà M về yêu cầu tính lãi suất.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về tố tụng:*

[1] *Thẩm quyền*: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị Tuyết M. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông L, bà M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Xét thấy, ông L, bà M đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L, bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về nội dung*:

[3] Ông Cao Thanh H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị Tuyết M trả số tiền vốn vay 3.500.000.000 đồng.

Căn cứ vào Biên nhận nợ ngày 09/02/2023 và Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Phòng C, tỉnh An Giang chứng nhận, vào sổ công chứng số 000811, quyền số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

Xét, hợp đồng vay được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có lập biên nhận nợ và nội dung thỏa thuận hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Quá trình vay do bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả vốn vay, tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu ông L, bà M có trách nhiệm trả vốn vay là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, xét chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi suất: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông H xác định rút lại một phần yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn ông L, bà M. Yêu cầu này phù hợp theo phạm vi khởi kiện, nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

- Bị đơn có trách nhiệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 102.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 244, 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Thanh H;

Buộc ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Tuyết M có trách nhiệm trả cho ông Cao Thanh H số tiền 3.500.000.000 (*Ba tỷ năm trăm triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Thanh H về tiền lãi đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị Tuyết M.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 102.000.000 (*Một trăm lẻ hai triệu*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Cao Thanh H được nhận lại số tiền 51.000.000 (*Năm mươi một triệu*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003328 ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông L, bà M là 15 ngày kể từ bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát ND Tỉnh (1)
- Viện kiểm sát TPCĐ (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lư Thị Châu Ngọc**